

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2018/HS-ST
Ngày: 09 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Xuân Đùng;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột: Ông Hà Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Vũ Xuân Đ;** tên gọi khác: không; sinh ngày 02 tháng 01 năm 1976; tại: tỉnh Nam Định; nơi cư trú: thôn 12, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Đ và bà Đinh Thị H; có vợ là Trịnh Thị R và 02 con; tiền sự: không; tiền án: không; bị tạm giữ từ ngày 27/12/2017; đến 30/12/2017 được tại ngoại, cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. **Phan Trung Tr;** tên gọi khác: không; sinh ngày 10 tháng 4 năm 1967; tại Nghệ An; nơi cư trú: thôn 12, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: thợ xây; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Công H và bà: Nguyễn Thị B (Đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Kh và 02 con; tiền sự: không; tiền án: Ngày 16/6/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 04 tháng tù về tội Đánh bạc, theo quy định tại Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự, tại Bản án số 145/HSST. Ngày 19/12/2014 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương cư trú nhưng chưa được xóa án tích; bị tạm giữ từ ngày 27/12/2017 và tạm giam từ ngày 30/12/2017; có mặt.

3. **Nguyễn Văn H;** tên gọi khác: không; sinh ngày 24 tháng 02 năm 1982; tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: thôn 6, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: thợ xây;

trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Lê Thị Thu H và 02 con; tiền sự: không; tiền án: không; ngày 27/12/2017 bị tạm giữ; đến 30/12/2017 được tại ngoại, cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Phạm Văn Th; tên gọi khác: không; sinh ngày 24 tháng 11 năm 1962; tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: thôn 12, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H (đã chết); và bà Ngô Thị X; có vợ là Trần Thị Ng và 04 con; tiền sự: không; tiền án: không; bị tạm giữ từ ngày 27/12/2017, đến 30/12/2017 được tại ngoại và cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị R; địa chỉ: thôn 12 xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 27/12/2017, trong lúc uống cà phê tại quán Cóc ở thôn 12, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, Vũ Xuân Đ, Phan Trung Tr, Phạm Văn Th và Nguyễn Văn H rủ nhau về nhà của Đ (số 73, thôn 12, xã H, tp. B, tỉnh Đắk Lắk) đánh bài ăn tiền. Đ, Tr, Th và H bắt đầu chơi từ khoảng 11 giờ 30 phút tại phòng bếp của Đ; chơi đến 13 giờ 30' cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột bắt quả tang và lập biên bản. Tại đây, cơ quan điều tra lập biên bản quả tang; thể hiện Đ, Tr, Th và H đang đánh bài “phôm” được thua bằng tiền; số tiền thu giữ được trên chiếu bạc là 5.400.000 đồng cùng 02 bộ bài Túlokhơ và các vật dụng dùng để phục vụ việc đánh bạc gồm 01 chiếu cói màu trắng đỏ, 01 chăn màu nâu và 01 ly thủy tinh; ngoài ra, cơ quan điều tra còn thu giữ trên người các con bạc như sau:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 358889073166880 của Vũ Xuân Đ;

- Số tiền 16.750.000 đồng và 01 điện thoại di động màu xám có số Imei: 358600231004404 của Phan Trung Tr;

- Số tiền 4.850.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 356012082012324 của Phạm Văn Th;

- 01 điện thoại di động hiệu I Phone 6 màu vàng ghi có số Imei: 359302063197419 và số tiền 2.100.000 đồng của Nguyễn Văn H.

Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa: các bị cáo Vũ Xuân Đ, Phan Trung Tr, Phạm Văn Th và Nguyễn Văn H, đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu và chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Đ mang theo số tiền 1.700.000 đồng và đã sử dụng hết để đánh bạc; Tr mang theo số tiền 18.750.00 đồng, đã lấy ra 7.300.000 đồng để đánh bạc, số tiền 11.450.000 đồng còn lại thu giữ trong người Tr, Tr dùng để trả tiền công cho thợ xây mà Tr là người thầu

công; Th mang theo 3.850.000 đồng; H mang theo 4.800.000 đồng và đều đã sử dụng để đánh bạc; tại thời điểm bắt quả tang, Đ thua 300.000đồng; Tr thua 400.000 đồng; Th thắng 1.000.000 đồng và H thua 700.000 đồng.

Các tài sản khác thu giữ trên người các con bạc nhưng không sử dụng vào việc đánh bạc gồm: của Đ 01 điện thoại di động Nokia màu đen; của Tr 01 điện thoại di động màu xám; của Th 01 điện thoại Nokia màu đen; của H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng ghi.

Đối với địa điểm đánh bạc là phòng bếp tại địa chỉ 73 thôn 12, xã H, tp. B là tài sản của vợ chồng Vũ Xuân Đ và Trịnh Thị R; theo kết luận số 40/KLĐG ngày 05/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản thì phòng bếp có diện tích $3 \times 4 = 12 \text{ m}^2$ có giá là 17.851.900 đồng. Khi các con bạc sử dụng làm nơi đánh bạc thì chị R không biết.

Tại bản cáo trạng số 82/CT-VKS TPBMT ngày 15 tháng 3 năm 2018, Viện Kiểm sát nhân dân Tp. B đã quyết định truy tố ra trước Toà án nhân dân thành phố B, để xét xử đối với các bị cáo Vũ Xuân Đ, Phan Trung Tr, Nguyễn Văn H và Phạm Văn Th về tội đánh bạc theo quy định tại Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp. B giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 và khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân Đ từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Trung Tr từ 12 đến 15 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 và khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 và khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Th từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 248 BLHS 1999, xử phạt bị cáo Vũ Xuân Đ, Phan Trung Tr, Nguyễn Văn H, Phạm Văn Th mỗi bị cáo từ 3.000.000 đến 5.000.000 đồng.

Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền **17.650.000đồng**.

- Tịch thu tiêu huỷ: 02 bộ bài Tú Lơ Khơ, 01 chắn màu nâu, 01 chiếu cói màu trắng đỏ và 01 ly thủy tinh là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước trị giá $\frac{1}{2}$ căn phòng bếp của bị cáo Vũ Xuân Đ đã dùng vào việc phạm tội, tương ứng với số tiền: 8.925.950 đồng.

- Trả lại cho bị cáo: **Nguyễn Văn H** 01 điện thoại di động hiệu I Phone 6, màu vàng ghi, số Imei: 359302063197419; trả cho bị cáo **Phạm Văn Th** 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 356012082012324; trả cho bị cáo **Vũ Xuân Đ**, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 358889073166880; trả cho bị cáo **Phan Trung Tr** 01 điện thoại di động màu xám, số Imei: 358600231004404 và số tiền 11.450.000 đồng nhận sử dụng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra; biên bản phạm tội quả tang; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi các bị cáo đã thực hiện, phù hợp với toàn bộ vật chứng đã thu được tại hiện trường... Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Từ khoảng 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 30' ngày 27/12/2017, tại phòng bếp nhà Vũ Xuân Đ, Trịnh Thị R ở thôn 12, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, Vũ Xuân Đ, Phan Trung Tr, Nguyễn Văn H và Phạm Văn Th đã sử dụng bài tú lơ khơ 52 quân bài để đánh bạc trái phép dưới hình thức “đánh phỏm” được thua bằng tiền với số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 17.650.000 đồng.

[3] Hành vi đánh bạc trái phép của các bị cáo Vũ Xuân Đ, Phan Trung Tr, Nguyễn Văn H và Phạm Văn Th là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an toàn, trật tự công cộng được quy định là tội phạm trong Bộ luật hình sự;

Khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 như sau:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm”.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, lẽ ra, các bị cáo buộc phải biết hành vi đánh bạc là phạm tội và sẽ bị pháp luật hình sự trừng trị; nhưng chỉ vì ham muốn thu lợi bất chính, thích sát phạt nhau bằng tiền mà các bị cáo đã coi thường

luật pháp, cố ý đánh bạc trái phép; do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc theo viện dẫn như trên.

[4] Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia nhưng giữa các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn; để quyết định hình phạt tương xứng với vai trò của từng bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo đều là người có vai trò thực hành; bị cáo Vũ Xuân Đ tuy là tích cực hơn các bị cáo khác ở việc chuẩn bị dụng cụ để đánh bạc nhưng là người có số tiền đánh bạc ít nhất: 1.700.000 đồng; Bị cáo Th khi mang theo đánh bạc là 3.850.000 đồng nhưng khi bị bắt bị cáo đã kịp bỏ số tiền 3.100.000 đồng trên chiếu bạc bỏ chung vào tiền trong túi thành 4.850.000 đồng nên cũng được xem là có số tiền tương đương với bị cáo H sử dụng đánh bạc 4.800.000 đồng; do đó, vai trò thực hành giữa các bị cáo Đ, H, Th là ngang nhau; bị cáo Tr dùng số tiền đánh bạc nhiều nhất: 7.300.000 đồng nên vai trò bị cáo Tr có phần cao hơn các bị cáo khác.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Đ, Tr, H và Th trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên tất cả các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999; riêng các bị cáo Đ, H, Th là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự và đều không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo Tr, mặc dù ngày 19/12/2014 đã chấp hành xong hình phạt 04 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 145/HSST ngày 16/6/2014 của Tòa án nhân dân Tp. B; tính đến ngày phạm tội lần này (27/12/2017) là đã đủ điều kiện về thời gian để đương nhiên được xóa án tích; tuy nhiên do bị cáo chưa chấp hành xong phần quyết định truy thu 8.553.500 đồng của Bản án trên nên chưa đủ điều kiện để được xóa án tích theo khoản 2 Điều 64 của Bộ luật hình sự 1999; do đó, trong lần phạm tội “Đánh bạc” này bị cáo Tr được xác định là thuộc trường hợp “tái phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 49 và phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng là “tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Phạm Văn Th có nhân thân tốt. Đối với Vũ Xuân Đ đã một lần bị đưa vào cơ sở giáo dục A1 tại huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên với thời hạn 12 tháng về hành vi Cố ý gây Th tích và gây rối trật tự công cộng theo Quyết định số: 2629/QĐ-UB ngày 39/9/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; do chấp hành khá nên Đ được giảm thời hạn chấp hành 01 tháng và đến 22/12/2003, Đ đã chấp hành xong và được trở về địa phương sinh sống; thời gian được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính tính đến ngày phạm tội đánh bạc đã trên 13 năm nên cũng cần xem xét đến khả năng cải tạo tại địa phương như bị cáo H và bị cáo Th.

Đối với bị cáo Phan Trung Tr: ngoài lần phạm tội đánh bạc nhưng chưa được xóa án tích đã xác định là tái phạm như trên thì trước đó bị cáo còn một lần phạm tội Đánh bạc bị xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo theo Bản án số 07/HSST ngày 11/01/2011 của Tòa án nhân dân Tp. B, lần kết án này bị cáo đã được đương nhiên xóa án tích; Ngày 22/01/2013 bị cáo còn bị Công an phường Tân Lập xử phạt 500.000 đồng theo

Quyết định số 4133/QĐ-XPĐG về hành vi ‘Mua dâm’; như vậy, Tr có nhân thân không tốt.

[6] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo; tuy nhiên, đối với các bị cáo Vũ Xuân Đ, Nguyễn Văn H, Phạm Văn Th là đủ điều kiện để cải tạo tại địa phương nên không cần cách ly các bị cáo cũng đủ để trừng trị, răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Riêng bị cáo Phan Trung Tr đã nhiều lần vi phạm pháp luật dẫn đến bị truy cứu trách nhiệm hành chính, trách nhiệm hình sự thậm chí bị cáo đang trong thời gian chưa được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục phạm tội là thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần cách ly bị cáo một thời gian phù hợp mới đủ để trừng trị và cải tạo bị cáo.

[7] **Về hình phạt bổ sung:** Các bị cáo phạm tội với mục đích nhằm thu lợi bất chính nên cần phạt tiền các bị cáo ở mức tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 248 của Bộ luật hình sự 1999.

[8] **Về xử lý vật chứng:** Đối chiếu với quy định tại các Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, thấy rằng:

Đối với tổng số tiền **17.650.000 đồng**, đây là số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

Đối với địa điểm đánh bạc là phòng bếp tại 73 thôn 12, xã H, thành phố B là tài sản thuộc quyền sở hữu chung hợp pháp của bị cáo Vũ Xuân Đ và chị Trịnh Thị R có giá 17.851.900 đồng; bị cáo Đ sử dụng căn phòng bếp trên vào việc phạm tội chị R không biết; do vậy, cần tịch thu trị giá $\frac{1}{2}$ căn phòng là 8.925.950 đồng là phần sở hữu của Vũ Xuân Đ để sung quỹ Nhà nước.

Đối với 02 bộ bài Tú Lơ Khơ, 01 chăn màu nâu, 01 chiếu cói màu trắng đỏ và 01 ly thủy tinh là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu I Phone 6, màu vàng ghi, số Imei: 359302063197419, tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn H; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 356012082012324, tạm giữ của bị cáo Phạm Văn Th; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 358889073166880, tạm giữ của bị cáo Vũ Xuân Đ; 01 điện thoại di động màu xám, số Imei: 358600231004404 và số tiền 11.450.000 đồng tạm giữ của bị cáo Phan Trung Tr, đây là các tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả cho các bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[9] **Về án phí:** Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999;

Tuyên bố:

Các bị cáo Vũ Xuân Đ, Phan Trung Tr, Nguyễn Văn H, Phạm Văn Th phạm tội “Đánh bạc”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Vũ Xuân Đ 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Vũ Xuân Đ cho UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Bị cáo Vũ Xuân Đ thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: Phan Trung Tr 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 27/12/2017).

3. Căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 điều 60 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: Nguyễn Văn H 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Bị cáo Nguyễn Văn H phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 điều 60 BLHS 1999:

Xử phạt: Phạm Văn Th 01(Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Văn Th cho UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Phạm Văn Th có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Bị cáo Phạm Văn Th Phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Phạt tiền các bị cáo Vũ Xuân Đ, Phan Trung Tr, Nguyễn Văn H và Phạm Văn Th mỗi bị cáo 3.000.000 (Ba triệu) đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền **17.650.000 đồng** là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu huỷ: 02 bộ bài Tú Lơ Khơ, 01 chăn màu nâu, 01 chiếu cói màu trắng đỏ và 01 ly thủy tinh là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước trị giá $\frac{1}{2}$ căn phòng bếp của bị cáo Vũ Xuân Đ đã dùng vào việc phạm tội, tương ứng với số tiền: 8.925.950 (Tám triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi) đồng.

- Trả lại các tài sản cho bị cáo: Nguyễn Văn H, 01 điện thoại di động hiệu I Phone 6, màu vàng ghi, số Imei: 359302063197419; trả cho bị cáo Phạm Văn Th, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 356012082012324; trả cho bị cáo Vũ Xuân Đ, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 358889073166880; trả cho bị cáo Phan Trung Tr, 01 điện thoại di động màu xám, số Imei: 358600231004404 và số tiền 11.450.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Vũ Xuân Đ, Phan Trung Tr, Nguyễn Văn H, Phạm Văn Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh,VKSND TP.BMT ;
- TAND tỉnh,Công an TP.BMT;
- CCTHA DSTP, THA phạt tù(để thi hành) ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Các đương sự;
- Chánh án ;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Văn Hưng